

Số: /QĐ-NAFOSTED

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư phục vụ đề tài khoa học và công nghệ được Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ cho Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia

GIÁM ĐỐC QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 02 năm 2024 về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia về việc phê duyệt Danh mục kinh phí đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên và kỹ thuật do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ năm 2022;

Căn cứ vào Hợp đồng nghiên cứu khoa học số 15/2023/104/HĐTN ngày 15 tháng 8 năm 2023 ký giữa Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia với Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia và PGS.TS. Lê Thị Hồng Hào;

Căn cứ báo cáo thẩm định ngày 25 tháng 4 năm 2024 về kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu thuộc đề tài nghiên cứu cơ bản: “Nghiên cứu phát triển phương pháp xác định một số dược chất trộn lẫn trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ sinh lý nam, giảm cân, điều hòa đường huyết và huyết áp”, mã số đề tài: 104.04-2021.38;

Trên cơ sở đề nghị của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia tại Tờ trình số 202/TTr-VKNQG ngày 24 tháng 4 năm 2024 việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đề tài: “Nghiên cứu phát triển phương pháp xác định một số dược chất trộn lẫn trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ sinh lý nam, giảm cân, điều hòa đường huyết và huyết áp”, mã số 104.04-2021.38;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu Cung cấp hóa chất, vật tư phục vụ đề tài khoa học và công nghệ: “*Nghiên cứu phát triển phương pháp xác định một số dược chất trộn lẫn trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ sinh lý nam, giảm cân, điều hòa đường huyết và huyết áp*”, mã số 104.04-2021.38”, do PGS.TS. Lê Thị Hồng Hảo làm chủ nhiệm, Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia là tổ chức chủ trì, kinh phí gói thầu: 245.368.000 đồng với các nội dung cơ bản được nêu trong Phụ lục 1 và 2 kèm theo.

Điều 2. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia (chủ đầu tư) là cơ quan chủ trì đề tài chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Viện trưởng Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia (chủ đầu tư), Chủ nhiệm đề tài, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- GD Quỹ (*để báo cáo*)
- Lưu: VT, TCKT.

Đỗ Phương Lan

Phụ lục 01

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc đề tài “Nghiên cứu phát triển phương pháp xác định một số dược chất trộn lẫn trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ sinh lý nam, giảm cân, điều hòa đường huyết và huyết áp”, mã số: 104.04-2021.38, CNĐT: PGS.TS. Lê Thị Hồng Hảo, Tổ chức chủ trì: Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-NAFOSTED ngày tháng năm 2024 của Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian tổ chức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia	Cung cấp hóa chất, vật tư thực hiện đề tài mã số 104.04-2021.38	Mua sắm hóa chất, vật tư đề tài mã số 104.04-2021.38	245.368.000	Ngân sách Nhà nước	Chào hàng cạnh tranh trong nước, qua mạng	1 giai đoạn, 1 túi hồ sơ	60 ngày	Quý II-2024	Trọn gói	06 tháng	Không	Không đề xuất

Tổng giá gói thầu: 245.368.000đ (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn./.)

Phụ lục 02**Danh mục vật tư, nguyên vật liệu****mã số 104.04-2021.38**

(Kèm theo quyết định số/QĐ-NAFOSTED ngày / /2024 của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia)

TT	Tên vật tư, nguyên vật liệu	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách đóng gói	Đơn vị	Số lượng
	Chất chuẩn			
1	Norneosildenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 10 mg	lọ	1
2	Sildenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 50 mg	lọ	1
3	Tadalafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 100 mg	lọ	1
4	Udenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 10 mg	lọ	1
5	Acetil acid	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 50 mg	lọ	1
6	Acetildenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 10 mg	lọ	1
7	Aminotadalafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 10 mg	lọ	1
8	Avanafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 100 mg	lọ	1
9	Carbodenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 10 mg	lọ	1
10	Chlorodenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 250 mg	lọ	1
11	Descarbonsildenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 5 mg	lọ	1
12	Gendenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 10mg	lọ	1
13	Homosildenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 10 mg	lọ	1
14	Hydroxyacetildenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 5 mg	lọ	1
15	Hydroxychlorodenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 25 mg	lọ	1
16	Hydroxyhomosildenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 5 mg	lọ	1
17	Hydroxythiohomosildenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 1 mg	lọ	1
18	Hydroxythiovardenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 1 mg	lọ	1
19	Hydroxyvardenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 2,5 mg	lọ	1
20	Lodenafil carbonate	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 10 mg	lọ	1
21	N-Desmethylsildenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 5 mg	lọ	1
22	Noracetildenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 1 mg	lọ	1

TT	Tên vật tư, nguyên vật liệu	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách đóng gói	Đơn vị	Số lượng
23	Nortadalafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 50 mg	lọ	1
24	Thiohomosildenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 5 mg	lọ	1
25	Thiosildenafil	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 1 mg	lọ	1
26	Sibutramine hydrochloride	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 25 mg	lọ	1
27	Didesmethylsibutramine	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 5 mg	lọ	1
28	Furosemide	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 250 mg	lọ	1
29	Gliclazide	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 50 mg	lọ	1
30	Phenformin hydrochloride	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 1 g	lọ	1
31	Glibenclamid	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 250 mg	lọ	1
32	Metformin hydrochloride	Độ tinh khiết $\geq 90\%$; lọ 250 mg	lọ	1
	Vật tư và hóa chất khác			
33	2-(N-morpholino) ethanesulfonic acid (MES)	Độ tinh khiết $\geq 99\%$, hàm lượng nước $\leq 1\%$; lọ 50 g	lọ	1
34	Trichloroacetic acid	Độ tinh khiết $\geq 99,5\%$, hàm lượng kim loại nặng (như Pb) $\leq 20\text{ppm}$; lọ 1 kg	lọ	1
35	L- Arginine	Độ tinh khiết $\geq 98\%$, hàm lượng carbon: 40,5-42,1%, hàm lượng nitrogen: 31,5-33,0%; lọ 100 g	lọ	1
36	L- Histidine	Độ tinh khiết $\geq 99\%$, hàm lượng carbon: 45,9-47,4%, hàm lượng nitrogen: 26,8-27,3%; lọ 100 g	lọ	1
37	Acetic acid	Độ tinh khiết $\geq 99,5\%$, hàm lượng nước $\leq 0,2\%$, hàm lượng kim loại nặng (như Pb) $\leq 0,5\text{ppm}$; chai 1 Lit	chai	1
38	Methanol	Độ tinh khiết $\geq 99,9\%$, cặn còn lại sau bay hơi $\leq 2,0\text{ mg/l}$, hàm lượng nước $\leq 0,02\%$, độ axit \leq 0,0002 meq/g, độ kiềm $\leq 0,0002$ meq/g; chai 2,5 Lit	chai	5
39	Acetonitril	Độ tinh khiết $\geq 99,9\%$, hàm lượng nước $\leq 0,02\%$, cặn bay hơi $\leq 2,0\text{ mg/L}$, độ acid \leq 0,0002meq/g, độ kiềm $\leq 0,0002\text{meq/g}$; chai 2,5 Lit	chai	8

TT	Tên vật tư, nguyên vật liệu	Tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách đóng gói	Đơn vị	Số lượng
40	Ống fanco 15mL	Ống nhựa có chia vạch, chịu đựng nhiệt và dung môi; Túi 50 cái	Túi	4
41	Ống fanco 50mL	Ống nhựa có chia vạch, chịu đựng nhiệt và dung môi; Túi 25 cái	Túi	4